

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 8 – 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương.

2. Bà Trần Ngọc Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 693/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66 /2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Minh H, sinh năm 1977; trú tại: khu phố B, phường B, thành phố Tỉnh Bình Dương; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1983; thường trú: khu phố B, phường B, thành phố Tỉnh Bình Dương; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2020, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trương Minh H trình bày:

Ông Trương Minh H và bà Đỗ Thị M tự nguyện tìm hiểu, yêu thương rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/KH 2007, quyền số 01 ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, thường xuyên lớn tiếng cãi nhau. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 02 con chung: Trương Đỗ Bảo T, sinh ngày 15/9/2007 và Trương Đỗ Bảo N, sinh ngày 03/8/2010. Ông H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Mcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 22/7/2020 bị đơn bà Đỗ Thị M trình bày:

Bị đơn bà Đỗ Thị M thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn của vợ chồng. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không thể quay về đoàn tụ nên bà M đồng ý yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Thống nhất giao con chung Trương Đỗ Bảo T, sinh ngày 15/9/2007 và Trương Đỗ Bảo N, sinh ngày 03/8/2010 cho ông H trực tiếp chăm sóc con, bà M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trương Minh H và bị đơn bà Đỗ Thị M đều thống nhất về việc ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không tiến hành lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Minh H và bà Đỗ Thị M tự nguyện tìm hiểu, yêu thương rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng

nhận kết hôn số 48/KH 2007, quyền số 01 ngày 15 tháng 5 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì vợ chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà M không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Ông H và bà M thừa nhận vợ chồng hiện tại đã ly thân, không còn tình cảm với nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung Trương Đỗ Bảo T, sinh ngày 15/9/2007 và Trương Đỗ Bảo N, sinh ngày 03/8/2010. Ông H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Xét về quyền lợi về mọi mặt, nguyện vọng của con chung, bà M cũng đồng ý nên cần giao con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông H không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Các Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh H đối với bị đơn bà Đỗ Thị M

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Minh H được ly hôn với bà Đỗ Thị M.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên: Trương Đỗ Bảo T, sinh ngày 15/9/2007 và Trương Đỗ Bảo N, sinh ngày 03/8/2010 cho ông Trương Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Minh H về việc không yêu cầu bà Đỗ Thị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai

bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí:

Ông Trương Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0046878 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND T.P Thuận An;
- Chi cục THA T.P Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Thi

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Anh Thi